

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày 21 tháng 5 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Tư;
2. Ông Đào Mạnh Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 13/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST – DS ngày 06/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Công ty vật liệu X.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 11/10/2010 anh cho Công ty Cổ phần vật liệu X (gọi tắt là Công ty X) vay số tiền 150.000.000đồng, việc vay tiền hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền do ông Nguyễn Văn T- Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty X ký và đóng dấu Công ty. Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, khi vay hai bên không thoả thuận thời hạn trả nhưng có thoả thuận khi nào anh cần sẽ báo trước cho Công ty X trước 10 ngày

thì Công ty X sẽ có trách nhiệm trả anh số tiền vay. Tiền lãi hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền.

Cuối năm 2018 do cần tiền sử dụng nên anh yêu cầu Công ty X trả cho anh số tiền 150.000.000 đồng đã vay và tiền lãi thì Công ty X không trả với lý do là Công ty X đang gặp khó khăn về tài chính. Từ đó đến nay, anh đã nhiều lần yêu cầu Công ty X phải trả tiền cho anh nhưng Công ty X vẫn không trả cho anh bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền nợ gốc đã vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi như đã thỏa thuận.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X phải trả anh số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo pháp luật của Công ty X là bị đơn- ông Nguyễn Văn T trình bày:

Công ty Cổ phần vật liệu X (gọi tắt là Công ty X) được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 16 tháng 4 năm 2010, người đại diện theo pháp luật của Công ty X từ khi thành lập cho đến nay là ông (Nguyễn Văn T). Ông Toàn thừa nhận ngày 11/10/2010 Công ty X có ký vay vốn của ông Trần Văn T số tiền 150.000.000 đồng để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty X, thời hạn vay không xác định. Theo giấy vay thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trên thực tế hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau khi vay tiền thì Công ty X đã thực hiện trả lãi theo thỏa thuận cho anh T được khoảng hơn 1 năm nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu vì hai bên không viết biên nhận trả tiền lãi, từ đầu năm 2012 cho đến nay Công ty X không thực hiện trả lãi cho anh T nữa. Về tiền gốc vay ông thừa nhận Công ty X chưa trả cho anh T nên vẫn còn nợ anh T số tiền 150.000.000 đồng.

Nay ông là đại diện theo pháp luật của Công ty X đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T, Công ty X sẽ có trách nhiệm trả anh T số tiền nợ gốc đã vay là 150.000.000 đồng. Nhưng hiện tại, do Công ty X đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị xin được trả dần số tiền nợ trên. Trường hợp Công ty X có điều kiện thì sẽ trả hết số nợ trên cho anh T một lần.

Tại hồ sơ pháp lý doanh nghiệp gửi kèm theo Công văn số 19/CV-ĐKKD ngày 12/3/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần vật liệu X là ông Nguyễn Văn T.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn; đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, công bố các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn; đại diện hợp pháp của bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét:

Căn cứ Điều 471; khoản 4 Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn T.

+ Buộc Công ty Cổ phần vật liệu X phải trả cho anh Trần Văn T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần vật liệu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về khoản nợ xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền còn nợ không trả. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền ngày 11/10/2010 thì các bên không xác định thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, đến năm 2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn có thừa nhận nhưng không thực hiện trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do các bên xác lập và thực hiện giao dịch dân sự tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy trong vụ án này cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 tại thời điểm giao dịch được xác lập để xem xét.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

* Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 150.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 11/10/2010 do ông Nguyễn Văn T là đại diện theo pháp luật của Công ty X trực tiếp ký và đóng dấu của Công ty. Quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn thừa nhận đã vay và còn nợ nguyên đơn số tiền gốc vay là 150.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn là Công ty Cổ phần vật liệu X đã vay và còn nợ anh Trần Văn T tổng số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

Mặc dù khi vay tiền hai bên không xác định thời hạn trả nợ nhưng đại diện bị đơn cũng thừa nhận nguyên đơn đã đòi nợ, do Công ty X gặp khó khăn về tài chính nên chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của anh T và xin trả dần làm nhiều lần nhưng không được nguyên đơn là anh T đồng ý. Do vậy, nguyên đơn là anh T khởi kiện yêu cầu Công ty X phải có trách nhiệm trả tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

[6] Theo giấy vay tiền thì không thể hiện lãi suất nhưng căn cứ vào lời khai và lời thừa nhận của các bên đương sự thì xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và các bên có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi trên số tiền nợ gốc đã vay nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty X phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả anh Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 471; khoản 4 Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn T.
2. Buộc Công ty Cổ phần vật liệu X phải trả anh Trần Văn T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
3. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần vật liệu X phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại anh Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000915 ngày 13/01/2020.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hải

